

Số: /GPMT-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2025

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Quản lý môi trường - Quản lý chất thải rắn và xây dựng bãi chôn lấp” tại xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột; Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án “Nhà máy xử lý nước rỉ rác cho Khu chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột;*

*Xét Văn bản số 228/CV-BDDCN ngày 15/7/2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Đăk Lăk về việc hoàn thiện hồ sơ cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy xử lý nước rỉ rác cho Khu chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột”; Văn bản số 261/CV-BDDCN ngày 29/7/2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Đăk Lăk về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy xử lý nước rỉ rác cho Khu chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột” và hồ sơ kèm theo;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 73/TTr-SNNMT ngày 01/8/2025 và Công văn số 1370/SNNMT-BVMT ngày 15/8/2025.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ tại số 10A Trần Hưng Đạo, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy xử lý nước rỉ rác cho Khu chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột” với các nội dung như sau:

### **1. Thông tin chung của dự án:**

1.1. Tên dự án: Nhà máy xử lý nước rỉ rác cho Khu chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột (thuộc Dự án “Quản lý môi trường - Quản lý chất thải rắn và xây dựng bãi chôn lấp” tại xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk).

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn 11, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Quyết định thành lập: Số 2098/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.

1.4. Mã số thuế: 6001583838.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xử lý chất thải.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích: 1,17 ha (trong tổng diện tích 10,8 ha của dự án “Quản lý môi trường - Quản lý chất thải rắn và xây dựng bãi chôn lấp”).

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) nằm trong tổng thể dự án “Quản lý môi trường - Quản lý chất thải rắn và xây dựng bãi chôn lấp” tại xã Hòa Phú.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP (căn cứ theo dự án “Quản lý môi trường - Quản lý chất thải rắn và xây dựng bãi chôn lấp”).

- Công suất: Xử lý nước rỉ rác với công suất 450 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.  
2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

**Điều 4.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Hòa Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý DA ĐTXD CTDD&CN tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- TTCN và Công thông tin điện tử tỉnh;
- UBND xã Hòa Phú;
- Lưu: VT, NNMT (Nh).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thiên Văn**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025  
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước rỉ rác từ 02 ô chôn lấp rác thải SH1 và SH2.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực rửa xe.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ máy ép bùn.

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối cạn phía sau Nhà máy xử lý nước rỉ rác thuộc thôn 11, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk.

##### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Thôn 11, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}30'$ , múi chiều 3'):  $X = 1391557$ ;  $Y = 439399$ .
- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $450 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ,  $18,75 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 25:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn (cột B<sub>2</sub>) đối với các thông số BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng Nitơ, Amoni; QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; các hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,1$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	99		
3	COD	mg/l	300		
4	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50		

5	Tổng nitơ	mg/l	60		
6	Amoni, tính theo N	mg/l	25		
7	Asen	mg/l	0,099		
8	Thủy ngân	mg/l	0,0099		
9	Crom (VI)	mg/l	0,099		
10	Crom (III)	mg/l	0,99		
11	Đồng	mg/l	1,98		
12	Kẽm	mg/l	2,97		
13	Niken	mg/l	0,495		
14	Sắt	mg/l	4,95		
15	Tổng xianua	mg/l	0,099		
16	Tổng phenol	mg/l	0,495		
17	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9		
18	Tổng phốt pho	mg/l	5,94		
19	Clorua	mg/l	990		
20	Coliform	MNP/ 100ml	5.000		

**Ghi chú:** Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước rỉ rác từ 02 ô chôn lấp rác thải SH1 và SH2, nước thải phát sinh từ khu vực rửa xe được thu gom về hố thu, sau đó bơm về Nhà máy xử lý nước rỉ rác công suất 450 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hố thu → Bể tách dầu kết hợp lắng cát → Bể điều hòa → Bể trộn vôi → Bể lắng cặn vôi → Bể trung gian 1 → Tháp Stripping 1 → Bể điều chỉnh pH → Bể trung gian 2 → Tháp Stripping 2 → Cụm bể keo tụ - tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể trung gian 3 → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Hồ sinh học 1,2 → Cụm bể keo tụ - tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể ổn định → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 450 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:  $H_2O_2$  50%, NaOH,  $H_2SO_4$  30%,  $FeCl_3$  (40% lỏng), Polymer,  $FeSO_4.H_2O$ ,  $Ca(OH)_2$ , nước Javen, vi sinh kỵ khí, vi sinh hiếu khí (hoặc các hóa chất, vật liệu khác tương đương).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn.

- Định kỳ kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng các thiết bị máy móc trong hệ thống xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp và bố trí dự phòng các thiết bị để kịp thời thay thế.

- Tập huấn cho nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước rỉ rác về quy trình kỹ thuật theo đúng quy định.

- Định kỳ kiểm tra đường ống thu gom để nhằm phát hiện sớm tình trạng rò rỉ đường ống nếu có.

- Xây dựng 01 hồ sự cố (diện tích mặt hồ  $1.000m^2$ , diện tích đáy hồ  $450m^2$ , chiều cao hồ 5m; được lót bạt HDPE). Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tạm tại hồ sự cố chờ khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục được sự cố, nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý đảm bảo quy chuẩn cho phép trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Lập Sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải để theo dõi, cập nhật đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành, các vấn đề sự cố phát sinh trong quá trình vận hành để ứng phó kịp thời với các sự cố có thể phát sinh.

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường tại dự án theo quy định.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 04 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường này.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất  $450 m^3$ /ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại vị trí đầu vào của hệ thống xử lý nước thải và 01 điểm vị trí đầu ra tại Mương quan trắc sau hệ thống xử lý nước thải).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định

nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ Khu chôn lấp chất thải rắn Hòa Phú bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo lưu giữ an toàn, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định đối với toàn bộ nước rỉ rác phát sinh trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc mưa lớn vượt quá công suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, phương tiện để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.7. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra nguồn tiếp nhận.

**Phụ lục 2****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025  
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Từ hoạt động của máy thổi khí.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  
trục 108°30', múi chiếu 3°)**

Tọa độ đại diện: X= 1391579; Y= 439405.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Định kỳ thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị. Tiến hành thay thế và sửa chữa máy móc, thiết bị khi cần thiết.
- Tăng cường trồng thêm cây xanh trong khuôn viên của dự án nhằm giảm thiểu tiếng ồn và tạo cảnh quan cho khu vực dự án.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, bảo đảm các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025  
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã CTNH</b>	<b>Khối lượng phát sinh (kg/năm)</b>
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	02
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	16 01 13	03
3	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	17 05 04	25
4	Giẻ lau dính dầu nhớt thải	18 02 01	05
5	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	10
6	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	10
<b>Tổng số lượng:</b>			<b>55</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Số lượng trung bình (kg/tháng)</b>
1	Cát từ bể lắng cát của hệ thống xử lý nước thải	07
2	Rác vớt từ hồ thu của hệ thống xử lý nước thải	02
3	Các máy móc, thiết bị hư hỏng từ việc sửa chữa, bảo trì hệ thống xử lý nước thải	03
4	Vỏ thùng carton	03
<b>Tổng số lượng:</b>		<b>15</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Số lượng trung bình (kg/tháng)</b>
1	Chất thải rắn sinh hoạt	75
<b>Tổng số lượng:</b>		<b>75</b>

#### 1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý hóa lý	12 02 02	1.740
<b>Tổng số lượng:</b>			<b>1.740</b>

### 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại đang được thu gom, lưu giữ tạm thời tại khu vực đặt máy ép bùn.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chất thải công nghiệp thông thường đang được thu gom, lưu giữ tạm thời tại khu vực máy ép bùn.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt: Được thu gom vào thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 10 lít, hàng ngày được thu gom về bãi chôn lấp.

### B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại dự án, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

5. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải và đầu tư trang thiết bị bảo đảm sẵn sàng ứng phó sự cố chất thải.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025  
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện cải tạo bãi chôn lấp chất thải cho tổng thể dự án “Quản lý môi trường - Quản lý chất thải rắn và xây dựng bãi chôn lấp” tại xã Hòa Phú sau khi đóng bãi theo quy định của pháp luật hiện hành.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN**

1. Tiếp tục hoàn thiện các hạng mục công trình xây dựng, công trình bảo vệ môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường theo nội dung đã được phê duyệt Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Quản lý môi trường - Quản lý chất thải rắn và xây dựng bãi chôn lấp” tại xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Xây dựng kho/khu vực lưu chứa chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Sau khi đã hoàn thành hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án “Quản lý môi trường - Quản lý chất thải rắn và xây dựng bãi chôn lấp” tại xã Hòa Phú, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định pháp luật.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Đối với các chất thải phát sinh mà không tự xử lý được tại dự án thì phải thực hiện việc chuyển giao cho đơn vị xử lý có chức năng phù hợp.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.